THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 154
Ngày: 07/01/19
PCT. Ngọc, PVP. Nhung
Chuyển: KGVX

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Quốc gia về trẻ em;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Văn Tùng, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT các Vụ, Cục: PL, TCCV, KTTH, NN, KSTT;
- Lưu: VT, KGVX (2). 15

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

(Kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2. Quyết định này áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn trong phạm vi cả nước; các thành viên Hội đồng đánh giá, Hội đồng xét duyệt, trẻ em, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

1. Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em bao gồm:

a) Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em;

b) Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định;

c) Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại;

d) Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy;

đ) Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích;

e) Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp;

g) Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng;

h) Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi;

i) Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ;

k) Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non;

l) Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em;

m) Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em;

n) Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em.

2. Cách tính và thang điểm đối với từng tiêu chí cụ thể như sau:

Tên gọi của tiêu chí	**Cách tính và thang điểm**	**Số điểm**
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm 2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là thôn và tương đương): 15 điểm 3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hằng tháng, quý, năm: 15 điểm 4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định: 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 20 điểm	50
Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại	Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em): 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá: a) Dưới 1/1.000: 125 điểm b) Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểm c) Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểm d) Từ 5 đến dưới 7/1.000: 50 điểm đ) Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm	125
Tiêu chí 4: Trẻ	Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi	50

em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy	phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em): 1. Dưới 1/1.000: 50 điểm 2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm 3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm 4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm 5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm	
Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích	Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em): 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích: a) Dưới 0,25/1.000: 100 điểm b) Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm c) Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm	100
Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp: a) Từ 95% trở lên: 50 điểm b) Từ 90 đến dưới 95%: 40 điểm c) Từ 80 đến dưới 90%: 30 điểm d) Từ 70 đến dưới 80%: 20 điểm đ) Dưới 70%: 10 điểm 2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ trợ kịp thời: a) 100%: 75 điểm b) Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm c) Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm d) Dưới 50%: 0 điểm	125
Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng	Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em	50

đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng	dưới 1 tuổi): 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 10 điểm	
Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi	1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi): a) Dưới 10%: 45 điểm b) Từ 10 đến dưới 14%: 35 điểm c) Từ 14% trở lên: 25 điểm 2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): a) Dưới 20%: 30 điểm b) Từ 20 đến dưới 24%: 20 điểm c) Từ 24% trở lên: 10 điểm	75
Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em): 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80% : 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm	50
Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non	Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non: 1. Từ 90% trở lên: 75 điểm 2. Từ 80% đến dưới 90%: 65 điểm 3. Từ 70% đến dưới 80%: 55 điểm 4. Dưới 70%: 40 điểm	75
Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em	Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia: 1. Từ 20% trở lên: 75 điểm 2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm 3. Từ 10 % đến dưới 15%: 50 điểm 4. Dưới 10%: 40 điểm	75
Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho	1. Tính theo tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em: a) Từ 70% trở lên: 45 điểm	75

trẻ em	b) Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm c) Dưới 50%: 20 điểm 2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm	
Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em	Thang điểm: Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác): 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50 đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm	50

Điều 3. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đạt đủ 13 tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quy định này, không có tiêu chí nào bị 0 điểm và đạt tổng số điểm theo quy định sau đây:

1. Phường thuộc quận, thị xã, thành phố của thành phố trực thuộc trung ương: Đạt từ 900 điểm trở lên.

2. Xã, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo; xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Đạt từ 800 điểm trở lên.

3. Xã, phường, thị trấn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này: Đạt từ 850 điểm trở lên.

Điều 4. Thời gian, trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

1. Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

Số liệu thống kê các Tiêu chí 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 được thu thập trong năm đánh giá.

Số liệu thống kê Tiêu chí 3 và Tiêu chí 5 được thu thập trong kỳ đánh giá.

2. Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Trưởng Công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - hộ tịch, Hiệu trưởng Trường mầm non, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, đại diện thôn và tương đương.

3. Họp Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trước ngày 15 tháng 11 của năm đánh giá.

Điều 5. Thời gian, trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

1. Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ.

2. Họp Hội đồng xét duyệt: Các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của cấp xã và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, phường, thị trấn đạt điều kiện theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 25 tháng 11 của năm đánh giá.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi quyết định công nhận cho các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Trước ngày 30 tháng 11 của năm đánh giá, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 7. Kinh phí

1. Kinh phí hoạt động thu thập thông tin, đánh giá, xét duyệt, công nhận, kiểm tra và khen thưởng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thu thập thông tin, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Quyết định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hằng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Quyết định theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định này.

3. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Quyết định này trong phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia giám sát, vận động nguồn lực, hỗ trợ thực hiện tiêu chuẩn đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

4. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này tại địa phương; bảo đảm kinh phí thực hiện và phân công cơ quan chuyên môn, cán bộ, công chức các ngành làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam